TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày 31-10-2018
V/v: Tranh chấp kinh doanh thương mại "Hợp đồng cho vay, cấp tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La
Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2014/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2014 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 31/2017/QĐ-TA ngày 23 tháng 10 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Do ông Nguyễn Quang H - Phó giám đốc chi nhánh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền (có mặt).

Địa chỉ: Số 569 Đường L, phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Công ty TNHH P. Do ông Khiếu Ngọc H - Giám đốc đại diện. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vi Văn Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)
2. Chị Tăng Thị H, sinh năm 1981 do anh Vi Văn Q là chồng đại diện theo ủy quyền (chị H và anh Q đều vắng mặt)
3. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)
4. Chị Vi Thị K, sinh năm 1977 (vắng mặt)
5. Ông Tăng Văn B, sinh năm 1961 (vắng mặt)
6. Bà Trần Thị M, sinh năm 1960 (vắng mặt)
7. Anh Tăng Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
8. Chị Tăng Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện tranh chấp kinh doanh thương mại đề ngày 15/7/2014, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/10/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, do ông Nguyễn Quang H - Phó giám đốc chi nhánh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền tỉnh bày: Công ty TNHH P có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Bắc Giang, chi tiết:

Tổng hạn mức cấp tín dụng: 2.100.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn), chi tiết bao gồm những khoản như sau:

Khoản cấp tín dụng số 1: Tại hợp đồng vay trung dài hạn số J 0024/1.2 ngày 22/11/2011, đến hạn ngày 22/11/2014, Ngân Hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang đã cho Công ty TNHH P vay 700.000.000đ; mục đích mua ô tô tải; lãi suất 24%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 21,5%/năm; phương thức thanh toán: trả lãi vay vào ngày 12 hàng tháng, số tiền gốc được trả nợ trong vòng 36 tháng, chia thành 12 kỳ, trả nợ vào ngày 12 mỗi kỳ, mỗi kỳ trả 58.500.000đ, kỳ cuối trả 56.5000.000đ, ngày trả nợ gốc đầu tiên: 12/02/2011. Tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ theo hợp đồng này là 1.702.328.884đ, bao gồm 583.000.000đ tiền gốc và 1.119.328.884đ tiền lãi. Khi vay, Công ty TNHH P thế chấp tài sản của bên thứ ba, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 161, diện tích 3.417,1 m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 238161, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01483, cấp ngày 20/10/2011 cho ông Vi Văn Q và bà Tăng Thị H. Hợp đồng thế chấp số 361/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 06, diện tích 790 m^2 tại Thôn H, xã P, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 182489, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00233, cấp ngày 15/07/2011 cho ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị T. Hợp đồng thế chấp số 360/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.788m^2 tại Thôn H, xã P, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 236810, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00241, cấp ngày 19/08/2011 cho ông Khiếu Văn T và bà Đinh Thị L. Hợp đồng thế chấp số 359/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

Khoản cấp tín dụng số 2**:** Tại hợp đồng vay vốn số H0762/1 ngày 04/02/2012, đến hạn ngày 04/08/2012, Ngân Hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang đã cho Công ty TNHH P vay 600.000.000đ; mục đích bổ sung vốn lưu động; lãi suất 23%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 15%/năm; phương thức thanh toán: trả lãi vay vào ngày 04 hàng tháng, số tiền gốc được trả nợ khi hết hạn hợp đồng vay. Tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ theo hợp đồng này là 50.631.980đ, bao gồm 500.000đ tiền gốc và 50.131.980đ tiền lãi. Khi vay, Công ty TNHH P thế chấp tài sản của bên thứ ba, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 161, diện tích 3.417,1m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được

UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 238161, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01483, cấp ngày 20/10/2011 cho ông Vi Văn Q và bà Tăng Thị H. Hợp đồng thế chấp số 361/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 102, diện tích 724m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AD 162258, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H 00494, cấp ngày 05/12/2005 cho ông Nguyễn Văn V và bà Vi Thị X. Hợp đồng thế chấp số 300/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 87, diện tích 1.541,3m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số W 099408, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 00216 QSDD/495/QĐ-CT, cấp ngày 07/06/2002 cho hộ ông Tăng Văn B. Hợp đồng thế chấp số 301/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 151, diện tích 251,8m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BD 174221, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00042, cấp ngày 19/11/2010 cho ông Vũ Văn T và bà Vi Thị K. Hợp đồng thế chấp số 302/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 87, diện tích 701,9m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số W 09427, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00237 QSDĐ/495/QĐ-CT, cấp ngày 07/06/2002 cho hộ ông Tăng Văn C. Hợp đồng thế chấp số 303/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

Khoản cấp tín dụng số 3: Tại hợp đồng vay vốn số H0773/1 ngày 14/02/2012, đến hạn ngày 14/08/2012, Ngân Hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang đã cho Công ty TNHH P vay 800.000.000đ; mục đích bổ sung vốn lưu động; lãi suất 22,5%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 15%/năm; phương thức thanh toán: trả lãi vay vào ngày 12 hàng tháng, số tiền gốc được trả nợ khi hết hạn hợp đồng vay. Tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ theo hợp đồng này là 1.380.650.834đ, bao gồm 522.000.000đ tiền gốc và 858.650.834đ tiền lãi. Khi vay, Công ty TNHH P thế chấp tài sản của bên thứ hai thế

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 161, diện tích 3.417,1m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 238161, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01483, cấp ngày 20/10/2011 cho ông Vi Văn Q và bà Tăng Thị H. Hợp đồng thế chấp số 361/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 06, diện tích 790m^2 tại Thôn H, xã P, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 182489, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00233, cấp ngày 15/07/2011 cho ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị T. Hợp đồng thế chấp số 360/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.788m^2 tại Thôn H, xã P, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 236810, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00241, cấp ngày 19/08/2011 cho ông Khiếu Văn T và bà Đinh Thị L. Hợp đồng thế chấp số 359/NT-HĐTC ngày 17/11/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 102, diện tích 724m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AD 162258, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H 00494, cấp ngày 05/12/2005 cho ông Nguyễn Văn V và bà Vi Thị X. Hợp đồng thế chấp số 300/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 87, diện tích 1.541,3m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số W 099408, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 00216 QSDD/495/QĐ-CT, cấp ngày 07/06/2002 cho hộ ông Tăng Văn B. Hợp đồng thế chấp số 301/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 151, diện tích 251,8m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BD 174221, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00042, cấp ngày 19/11/2010 cho ông Vũ Văn T và bà Vi Thị K. Hợp đồng thế chấp số 302/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 87, diện tích 701,9m^2 tại Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số W 09427, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00237 QSDĐ/495/QĐ-CT, cấp ngày 07/06/2002 cho hộ ông Tăng Văn C. Hợp đồng thế chấp số 303/NT-HĐTC ngày 18/07/2011;

Trong quá trình vay, từ ngày 22/11/2011 đến ngày 11/11/2014, Công ty TNHH P chỉ trả được tổng số tiền như sau:

STT	Hợp đồng	Số tiền gốc đã trả	Lãi trong hạn đã trả	Lãi quá hạn đã trả	Tổng số tiền đã trả
1	J0024/1.2	117.000.000	102.672.955	171.704	219.844.659
2	H0762/1	599.500.000	61.527.084	22.855.208	683.882.292
3	H0773/1	278.000.000	72.133.334	0	350.133.334
Tổng		994.500.000	236.333.373	23.026.912	1.253.860.285

Tổng cộng: 1.253.860.285 VND *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, hai trăm tám lăm đồng).*

Tổng cộng, tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ các khoản sau:

STT	Hợp đồng	Số tiền gốc	Số tiền lãi trong hạn	Số tiền lãi quá hạn	Tổng số tiền
1	J0024/1.2	583.000.000	152.391.467	966.937.417	1.702.328.884
2	H0762/1	500.000	0	50.131.980	50.631.980

3	H0773/1	522.000.000	11.533.334	847.117.500	1.380.650.834
Tổng		1.105.500.000	163.924.801	1.864.186.897	3.133.611.698

Tổng cộng: 3.133.611.698 VND *(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm mười một nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng)*

Kính đề nghị Quý Tòa xem xét và phán quyết, buộc:

1. Công ty TNHH P trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu của Hợp đồng vay số H 0762/1 và H 0773/1 (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 31/10/2018 là 1.431.282.814 VND *(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn , tám trăm mười bốn đồng)* (bao gồm tiền gốc : 552.500.000đ và tiền lãi : 908.782.814đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/11/2018 đến ngày Công ty TNHH P thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được quy định tại các hợp đồng vay vốn đã ký với ngân hàng.

2. Nếu Công ty TNHH P không thực hiện theo yêu cầu tại điểm 1 nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT/HĐTC ngày 17/11/2011, 301/NT/HĐTC ngày 18/07/2011, 302/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, chi tiết như sau:

+ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo theo GCN số BG 238161 tại thôn C, xã H, Lạng Giang, Bắc Giang. Số vào sổ cấp GCN: CH 01483 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 20/10/2011 cho ông Vi Văn Q và bà Tăng Thị H.

+ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo GCN số W 099408 tại thôn C, xã H, Lạng Giang, Bắc Giang. Số vào sổ cấp GCN: 00216QSDĐ/495/QĐ/-CT do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 07/06/2002 cho hộ ông Tăng Văn B.

+ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo GCN số BD 174221 tại thôn C, xã H, Lạng Giang, Bắc Giang. Số vào sổ cấp GCN: CH 00042 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 19/11/2010 cho ông Vũ Văn T và bà Vi Thị K.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH P tại Ngân hàng thì của Công ty TNHH P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

3. Công ty TNHH P phải chịu mọi chi phí phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí...)

Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng TMCP Đ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Công ty TNHH P, do ông Khiếu Ngọc H - Giám đốc đại diện. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trình bày: Công ty TNHH P có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chi nhánh Bắc Giang theo các hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là đúng, khi vay Công ty có thế chấp tài sản của bên thứ 3 như Ngân hàng trình bày là đúng. Hiện Công ty còn nợ các khoản tiền gốc và lãi xuất như Ngân hàng trình bày là đúng, nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, Công ty không còn tài sản gì, nên Công ty xin trả dần, Công ty đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản của bên thứ 3 để bảo đảm cho việc thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vi Văn Q, chị Tăng Thị H (chị H do anh Q đại diện theo ủy quyền) trình bày: Tôi (Q) là thành viên góp vốn vào Công ty TNHH P; hiện Công ty làm ăn thua lỗ

không còn tài sản gì. Khi công ty TNHH P vay tiền Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang, gia đình tôi có đồng ý thế chấp tài sản của gia đình để đảm bảo cho việc vay vốn của Công ty TNHH P, như Ngân hàng TMCP Đ trình bày là đúng, nay gia đình tôi đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản đó để bảo đảm cho việc trả nợ của Công ty TNHH P.

Anh Vũ Văn T, chị Vi Thị K trình bày: Tôi (T) là anh rể anh Q, còn chị K là chị gái anh Q. Khi công ty TNHH P vay tiền Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang, gia đình tôi có đồng ý thế chấp tài sản của gia đình để đảm bảo cho việc vay vốn của Công ty TNHH P, như Ngân hàng TMCP Đ trình bày là đúng, nay gia đình tôi đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản đó để bảo đảm cho việc trả nợ của Công ty TNHH P. Tôi đề nghị Công ty TNHH P sớm trả hết tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ, để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho gia đình tôi.

Ông Tăng Văn B trình bày: Tôi là bố đẻ chị H (vợ anh Q), gia đình tôi hiện có vợ tôi là Trần Thị M, các con là Tăng Văn H, Tăng Thị H. Khi công ty TNHH P vay tiền Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang, gia đình tôi có đồng ý thế chấp tài sản của gia đình để đảm bảo cho việc vay vốn của Công ty TNHH P, như Ngân hàng TMCP Đ trình bày là đúng, nay gia đình tôi đồng ý tiếp tục thế chấp tài sản đó để bảo đảm cho việc trả nợ của Công ty TNHH P. Tôi đề nghị Công ty TNHH P sớm trả hết tiền vay cho Ngân hàng TMCP Đ, để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho gia đình tôi.

Bà Trần Thị M, cùng các con là Tăng Văn H, Tăng Thị H: Mặc dù đã được Tòa án giao, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà M, anh H, chị H vẫn không khai báo và không đến Tòa án làm việc.

* Tại phiên tòa hôm nay: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Do ông Nguyễn Quang H - Phó giám đốc chi nhánh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền có mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Công ty TNHH P do ông Khiếu Ngọc H giám đốc đại diện; anh Q; chị H; anh T; chị K; ông B; bà M; anh H; chị H đều vắng mặt; mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2.

* Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Đ trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Công ty TNHH P do ông Khiếu Ngọc H giám đốc đại diện; anh Q; chị H; anh T; chị K; ông B; bà M; anh H; chị H đều vắng mặt; mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2. Hướng đề xuất: Đề nghị HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 30; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 305; 342; 348; 349; 351; 471; 474; 476; 478; 715; 721 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 8; 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 31/10/2018 là 552.500.000đ tiền gốc và 908.782.814đ tiền lãi xuất, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.431.282.814đ (một tỷ bốn trăm ba mốt triệu hai trăm tám hai nghìn tám trăm mười bốn đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 01/11/2018, theo hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0762/1 ngày 04/02/2012 và Hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0773/1 ngày 14/02/2012 đến khi thanh toán hết nợ của hai hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH P không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hai hợp đồng tín dụng trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT/HĐTC ngày 17/11/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 301/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 302/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 để thu hồi nợ. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2014 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, do ông Nguyễn Quang H - Phó giám đốc chi nhánh Bắc Giang đại diện theo uỷ quyền, khởi kiện Công ty TNHH P, do ông Khiếu Ngọc H - Giám đốc đại diện, Trụ sở ĐKKD: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để đòi tiền theo hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số J 0024/1.2 ngày 22/11/2011, hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0762/1 ngày 04/02/2012 và hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0773/1 ngày 14/02/2012 đều của chi nhánh Bắc Giang thuộc Ngân hàng TMCP Đ; mục đích vay để mua ô tô tải và bổ sung vốn lưu động; nếu không trả được đề nghị xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 300/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 301/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 302/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 303/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 359/NT-HĐTC ngày 17/11/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba 360/NT-HĐTC ngày 17/11/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT-HĐTC ngày 17/11/2011 để thu hồi nợ.

Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp kinh doanh thương mại, phạm vi khởi kiện đòi tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng, đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung: Tại hợp đồng vay vốn số H0762/1 ngày 04/02/2012, đến hạn ngày 04/08/2012, Ngân Hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang đã cho Công ty TNHH P vay 600.000.000đ; mục đích bổ sung vốn lưu động ; lãi suất 23%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 15%/năm; phương thức thanh toán: trả lãi vay vào ngày 04 hàng tháng, số tiền gốc được trả nợ khi hết hạn hợp đồng vay . Tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ theo hợp đồng này là 50.631.980đ, bao gồm 500.000đ tiền gốc và 50.131.980đ tiền lãi.

Tại hợp đồng vay vốn số H0773/1 ngày 14/02/2012, đến hạn ngày 14/08/2012, Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Giang đã cho Công ty TNHH P vay 800.000.000đ; mục đích bổ sung vốn lưu động ; lãi suất 22,5%/năm, sau đó được điều chỉnh giảm xuống còn 15%/năm; phương thức thanh toán : trả lãi vay vào ngày 12 hàng tháng, số

tiền gốc được trả nợ khi hết hạn hợp đồng vay . Tính đến ngày 31/10/2018, Công ty TNHH P còn nợ theo hợp đồng này là 1.380.650.834đ, bao gồm 522.000.000đ tiền gốc và 858.650.834đ tiền lãi.

Nay Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án xét xử buộc Công ty TNHH P thanh toán trả toàn bộ tiền gốc và lãi xuất cho Ngân hàng theo đúng nội dung Hợp đồng vay vốn số H0762/1 ngày 04/02/2012 và Hợp đồng vay vốn số H0773/1 ngày 14/02/2012 đã ký, số tiền phải trả tính đến ngày 31/10/2018 là: 1.431.282.814đ (bao gồm 552.500.000đ tiền gốc và 908.782.814đ tiền lãi xuất) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 01/11/2018 đến khi Công ty TNHH P trả hết nợ.

Về tài sản bảo đảm: Ngân hàng TMCP Đ đề nghị, nếu Công ty TNHH P không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT/HĐTC ngày 17/11/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba 301/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 302/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Công ty TNHH P phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Phía Công ty TNHH P đồng ý trả các khoản nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng; nhưng vì điều kiện tài sản Công ty không còn, nên Công ty xin trả dần.

HĐXX xét thấy, để phát sinh vụ kiện là do việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH P gây nên. Do vậy nay cần buộc Công ty TNHH P phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 31/10/2018 cụ thể là 552.500.000đ tiền gốc và 908.782.814đ tiền lãi xuất, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.431.282.814đ và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 01/11/2018, theo hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0762/1 ngày 04/02/2012 và Hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0773/1 ngày 14/02/2012 đến khi thanh toán hết nợ của các hợp đồng. Việc thế chấp tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho việc vay vốn đã được các bên thực hiện theo đúng trình tự thủ tục đăng ký thế chấp; do vậy trường hợp Công ty TNHH P không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT/HĐTC ngày 17/11/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 301/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 302/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Đ đã nộp 9.000.000đ để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí hết, nay cần buộc Công ty TNHH P phải hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ 9.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Công ty TNHH P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu Toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí; hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ghi nhận Ngân hàng TMCP Đ đã nộp 33.060.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/07235 ngày 12/11/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[5] Các vấn đề khác: Đối với hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số J0024/1.2 ngày 22/11/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 300/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 303/NT-HĐTC ngày 18/07/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 359/NT-HĐTC ngày 17/11/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba 360/NT-HĐTC ngày 17/11/2011; tại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2018 Ngân hàng TMCP Đ không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 30; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 305; 342; 348; 349; 351; 471; 474; 476; 478; 715; 721 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 8; 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Buộc Công ty trách nhiện hữu hạn P có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 31/10/2018 là 552.500.000đ tiền gốc và 908.782.814đ tiền lãi xuất, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.431.282.814đ (một tỷ bốn trăm ba mốt triệu hai trăm tám hai nghìn tám trăm mười bốn đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 01/11/2018, theo hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0762/1 ngày 04/02/2012 và Hợp đồng vay vốn, cấp tín dụng số H0773/1 ngày 14/02/2012 đến khi thanh toán hết nợ của hai hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH P không trả được hoặc trả không hết số tiền nợ theo hai hợp đồng tín dụng trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 361/NT/HĐTC ngày 17/11/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 301/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 302/NT/HĐTC ngày 18/07/2011 để thu hồi nợ.

Công ty TNHH P phải hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 9.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2/ Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 54.938.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 33.060.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/07235 ngày 12/11/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- **TAND tỉnh Bắc Giang.**
- **VKSND huyện Lạng Giang**
- **Chi cục THA huyện Lạng Giang**
- **Các đương sự**
- **Lưu**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Thân Trọng Khôi